

Số: 14 /2024/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 7 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quy chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 12/2023/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định phân cấp tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 39/TTr-SXD ngày 22 tháng 02 năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 23/TB-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc kết luận của UBND tỉnh về phiên họp hành chính UBND tỉnh tháng 01/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2024 và thay thế Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); chủ tịch UBND các xã phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ; Website CP;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công TT GTĐT tỉnh;
- Báo VP, Đài PT&TH tỉnh; Trung tâm tin học công báo tỉnh Vĩnh Phúc;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, CN3.

(Qg 08 b)

hđ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang

QUY ĐỊNH

Quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **14** /2024/QĐ-UBND
ngày **25** tháng **3** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung phân công nhiệm vụ, phân cấp, ủy quyền, quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 3. Xây dựng danh mục dự án quy hoạch xây dựng và kế hoạch kinh phí cho công tác quy hoạch xây dựng

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất danh mục dự án quy hoạch xây dựng và kế hoạch kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm đối với quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền tổ chức lập của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Tổ chức lập, hoàn thành, phê duyệt trong Quý III của năm trước năm kế hoạch.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập danh mục dự án quy hoạch xây dựng và kế hoạch kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã đối với quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền tổ chức lập. Tổ chức lập, hoàn thành, phê duyệt trong Quý III của năm trước năm kế hoạch.

Điều 4. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng

1. Căn cứ kế hoạch lập các dự án quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị được giao tổ chức lập quy hoạch xây dựng căn cứ định mức chi phí được ban hành theo quy định để lập dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng trình cấp, ngành có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

2. Dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng được thẩm định, trình phê duyệt riêng hoặc cùng với thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng.

3. Đơn vị được giao tổ chức lập quy hoạch xây dựng căn cứ nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng được duyệt, tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 2

THẨM QUYỀN LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; khoản 1 Điều 22 và khoản 2 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, khoản 7 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, gồm:

- a) Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện;
- b) Quy hoạch chung đô thị mới; quy hoạch chung xây dựng khu chức năng (trừ khu công nghiệp);
- c) Quy hoạch phân khu trong phạm vi đô thị mới; quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng (trừ khu công nghiệp); quy hoạch phân khu có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;
- d) Quy hoạch chi tiết các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; khu vực có ý nghĩa quan trọng được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp (thời hạn uỷ quyền tính từ ngày ký Quyết định ban hành quy định này đến khi có Quyết định khác thay thế quy định này) tổ chức lập (mới và điều chỉnh) nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng khu công nghiệp thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ quy định tại khoản 1 Điều này, gồm:

- a) Quy hoạch chung xây dựng khu công nghiệp;
- b) Quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp đã giao chủ đầu tư);
- c) Ban Quản lý các khu công nghiệp khi thực hiện các nhiệm vụ được uỷ quyền tại các điểm a, b khoản 2 Điều này, được sử dụng con dấu của Ban Quản lý các khu công nghiệp; được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, Ủy ban nhân dân thành phố Phúc Yên tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, trừ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này, gồm:

- a) Quy hoạch chung thành phố;
- b) Quy hoạch phân khu đô thị trong phạm vi địa giới hành chính quản lý;

c) Quy hoạch chi tiết cải tạo, chỉnh trang đô thị (bao gồm cả đồ án quy hoạch chi tiết cải tạo, chỉnh trang đô thị mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt có liên quan đến địa giới hành chính của một đơn vị hành chính cấp huyện), thiết kế đô thị riêng; khu vực được giao quản lý, làm chủ đầu tư; khu vực khác còn lại trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

4. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; khoản 2 Điều 22 và khoản 3 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, khoản 7 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật năm 2018 có liên quan đến quy hoạch, trừ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều này, gồm:

a) Quy hoạch xây dựng vùng huyện;

b) Quy hoạch chung thị trấn;

d) Quy hoạch chi tiết thị trấn, quy hoạch chi tiết cải tạo, chỉnh trang đô thị (bao gồm cả đồ án quy hoạch cải tạo chỉnh trang đô thị mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt liên quan đến địa giới hành chính của một đơn vị hành chính cấp huyện), thiết kế đô thị riêng; các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên; khu vực Ủy ban nhân dân huyện được giao quản lý, làm chủ đầu tư; các khu vực khác còn lại trong địa giới hành chính do mình quản lý.

5. Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Xây dựng năm 2014, trừ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều này, gồm:

a) Quy hoạch chung xây dựng xã;

b) Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm: khu trung tâm xã, khu dân cư, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn và các khu chức năng khác trên địa bàn xã; khu vực Ủy ban nhân dân xã được giao quản lý, làm chủ đầu tư; các khu khác còn lại trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

6. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ (nếu có) và đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, khoản 7 Điều 19 Luật quy hoạch đô thị năm 2009; Điều 4 Nghị định số Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; Điều 7 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ.

Đối với khu công nghiệp đã giao chủ đầu tư mà theo quy định phải lập quy hoạch phân khu, thì chủ đầu tư có trách nhiệm lập quy hoạch phân khu và quy

hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp (nếu có) trừ quy định tại khoản 2, Điều 5 Quy định này.

Điều 6. Cơ quan tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng

1. Sở Xây dựng tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này, trừ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp (thời hạn đến khi có quy định khác thay thế quy định này) tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng khu công nghiệp; thẩm định nhiệm vụ (nếu có) và đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng liên quan đến dự án đầu tư trong khu công nghiệp, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

Ban Quản lý các khu công nghiệp khi thực hiện các nhiệm vụ được uỷ quyền tại khoản 2 Điều này, được sử dụng con dấu của Ban Quản lý các khu công nghiệp; được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách và đầu tư công.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, thuộc thẩm quyền tổ chức lập hoặc phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này;

4. Cơ quan tổ chức thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, có trách nhiệm trình Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập theo quy định; tổng hợp nội dung kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cùng cấp; yêu cầu chủ đầu tư, cơ quan được giao tổ chức lập quy hoạch xây dựng chỉnh sửa hồ sơ, tiếp thu, giải trình theo ý kiến tham gia; rà soát đảm bảo đủ điều kiện, tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Quy định này phê duyệt.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng

1. Sở Xây dựng tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định tại Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, như sau:

a) Các quy hoạch xây dựng tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này; quy hoạch chi tiết đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư (trừ dự án thuộc khu công nghiệp) trừ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này; quy hoạch tổng mặt bằng liên quan đến các dự án đầu tư xây dựng nhà chung cư, khu chung cư hoặc dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách của cấp tỉnh (trừ khu công nghiệp) hoặc dự án đầu tư xây dựng có liên quan đến địa giới hành chính của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

b) Quy hoạch xây dựng vùng huyện; quy hoạch chung thành phố thị trấn, trừ quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp thuộc thẩm quyền. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp (thời hạn ủy quyền tính từ ngày ký Quyết định ban hành quy định này đến khi có Quyết định khác thay thế quy định này) phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp; phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng liên quan đến dự án của nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp, theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Ban Quản lý các khu công nghiệp khi thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền tại khoản 2 Điều này, được sử dụng con dấu của Ban Quản lý các khu công nghiệp; được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách và đầu tư công.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và điểm b, khoản 7, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung của Luật xây dựng năm 2020, khoản 3, khoản 4 Điều 44 Luật quy hoạch đô thị năm 2009 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, trừ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, như sau:

a) Quy hoạch chung xây dựng xã;

b) Quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền tổ chức lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã; quy hoạch tổng mặt bằng liên quan đến các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư hoặc được giao quản lý hoặc dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại thuộc địa bàn quản lý (bao gồm cả các dự án thuộc thẩm quyền của chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư)

4. Trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt mới hoặc điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc thẩm quyền tại khoản 3 Điều này, có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Điều 8. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng

1. Cơ quan được giao tổ chức lập quy hoạch quy hoạch xây dựng tại Điều 5 của Quy định này, có trách nhiệm rà soát quy hoạch xây dựng theo quy định.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng tại Điều 7 của Quy định này, quyết định việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng.

3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch xây dựng thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng và quy hoạch đô thị.

4. Đối với các đồ án quy hoạch xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, theo quy định này thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp

huyện, thì Ủy ban nhân cấp huyện tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh theo thẩm quyền.

Điều 9. Quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (gọi là quy trình lập quy hoạch tổng mặt bằng)

1. Đối với khu vực đô thị thuộc thành phố Vĩnh Yên, thành phố Phúc Yên, thị trấn, đô thị mới: Các lô đất có quy mô nhỏ theo khoản 4, Điều 1 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, thì triển khai lập quy hoạch tổng mặt bằng. Thành phần bản vẽ theo điểm b, khoản 4a, Điều 1 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

2. Đối với khu chức năng theo khoản 25, Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi bởi điểm a, khoản 1, Điều 28 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch (quy định khu chức năng bao gồm: khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao): Các lô đất có quy mô nhỏ theo khoản 5, Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, thì triển khai lập quy hoạch tổng mặt bằng. Thành phần bản vẽ theo điểm b, khoản 5, Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

3. Đối với các khu khác (trừ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) mà không yêu cầu phải lập quy hoạch tổng mặt bằng. Căn cứ theo quy hoạch xây dựng được duyệt để nghiên cứu đề xuất dự án đầu tư xây dựng, hồ sơ thiết kế kiến trúc theo quy định theo Thông tư 03/2020/TT-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là thành phần của hồ sơ thiết kế xây dựng được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Không yêu cầu phải lập nhiệm vụ quy hoạch tổng mặt bằng (theo điểm a, khoản 4a Điều 1 và điểm a, khoản 5 Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ). Trường hợp, cơ quan nhà nước tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thì thực hiện trình tự, thủ tục thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

5. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Điều 6, Điều 7 Quy định này, có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Sau khi quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt phải thực hiện công bố, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định tại Điều 10, Điều 11 của Quy định này.

6. Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến bằng văn bản về quy hoạch tổng mặt bằng cho chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng có công trình thuộc danh mục bí mật nhà nước thuộc trường hợp phải lập quy hoạch tổng mặt bằng theo quy định tại khoản 5b, Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ. Việc tổ chức thực hiện, quản lý hồ sơ, tài liệu và các thông tin liên quan tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Mục 3
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ
QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 10. Công bố quy hoạch xây dựng

1. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng phải được công bố theo quy định tại Điều 53, 54 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018 và các Điều 40, 41, 42 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, như sau:

a) Sở Xây dựng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố quy hoạch quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến địa giới hành chính của tỉnh Vĩnh Phúc, trừ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, khoản 1 Điều này.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức công bố quy hoạch xây dựng khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban quản lý các khu công nghiệp; hướng dẫn các chủ đầu tư trong khu công nghiệp về chuyên môn nghiệp vụ trong việc công bố đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết (nếu có), quy hoạch tổng mặt bằng theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức công bố quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thẩm quyền lập và phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại các điểm a, b, d, khoản 1 Điều này.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức công bố quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc thẩm quyền do mình tổ chức lập.

đ) Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan, để tổ chức công bố quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc thẩm quyền tổ chức lập.

2. Đối với đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng thuộc trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố quy hoạch, thì cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm hoàn trả kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

3. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng. Trách nhiệm đăng tải lên cổng thông tin điện tử quốc gia về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị (www.quyhoach xay dung.gov.vn) và cổng thông tin điện tử của tỉnh (<https://vinhphuc.gov.vn/ct/cms/Convert/quyhoach/>) như sau:

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm đăng tải đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng (trừ khu công nghiệp) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Ban quản lý các khu công nghiệp đăng tải đồ án quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc phạm vi khu công nghiệp;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đăng tải hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Thành phần hồ sơ đồ án (bao gồm lập mới và điều chỉnh) quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng đăng tải lên cổng thông tin điện tử, gồm: Quyết định phê duyệt; bản đồ hiện trạng; sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan; bản đồ quy hoạch sử dụng đất; bản đồ giao thông; bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật; thuyết minh tóm tắt; quy định quản lý quy hoạch theo đồ án được duyệt; quy chế quản lý kiến trúc đã được ban hành (nếu có); hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng (nếu có).

Điều 11. Trách nhiệm và hồ sơ lưu trữ đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng

1. Cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư dự án tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, sau khi được phê duyệt phải hoàn thành việc nộp hồ sơ lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định tại Điều 21 Luật Xây dựng năm 2014, Điều 9 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

2. Thành phần hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng phục vụ lưu trữ theo quy định tại Điều 38 Thông tư số 04/ 2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 12. Trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng

1. Sở Xây dựng lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền lập và phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong địa giới của tỉnh Vĩnh Phúc, trừ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng khu công nghiệp thuộc thẩm quyền tổ chức lập và phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong địa giới hành chính của tỉnh Vĩnh Phúc

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt. Riêng đối với các đồ án quy hoạch xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập nhưng thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thì gửi Sở Xây dựng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã lập và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền do mình tổ chức lập.

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức cấm mốc và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Lập kế hoạch cấm mốc giới đối với các đồ án quy hoạch chung và quy hoạch phân khu đô thị mới, quy hoạch chung khu chức năng (trừ khu công nghiệp), trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền, làm cơ sở để giao các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện cấm mốc giới tại thực địa, trừ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này;

b) Thẩm định nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới các đồ án quy hoạch xây dựng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Lưu giữ và cung cấp thông tin hồ sơ cấm mốc giới liên quan đến đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này;

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp:

a) Lập kế hoạch cấm mốc giới; lập, thẩm định nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới đối với đồ án quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền;

b) Tổ chức triển khai cấm mốc giới đối với đồ án quy hoạch xây dựng khu công nghiệp thuộc thẩm quyền tổ chức lập và phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Lưu giữ và cung cấp thông tin hồ sơ cấm mốc giới liên quan đến đồ án quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng liên quan đến các dự án trong khu công nghiệp;

d) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức cấm mốc và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch cấm mốc giới các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền tổ chức lập hoặc phê duyệt, trừ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới, triển khai cấm mốc giới các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch khu, quy hoạch chi tiết thuộc địa giới hành chính do mình quản lý do Ủy ban nhân tỉnh giao; thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới quy hoạch chung xây dựng xã; lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai cấm mốc giới các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc trách nhiệm tổ chức lập, trừ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều này;

c) Tiếp nhận hồ sơ cấm mốc giới, lưu giữ và cung cấp thông tin hồ sơ cấm mốc giới liên quan đến đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo thẩm quyền; bàn giao hồ sơ và mốc giới tại thực địa cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; triển khai khôi phục hoặc kiến nghị bổ sung khôi phục các mốc giới bị mất, hỏng theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới quy hoạch chung xây dựng xã, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và phê duyệt; triển khai cấm mốc giới; tiếp nhận quản lý hồ sơ mốc giới và quản lý, bảo vệ mốc giới tại thực địa; kịp thời kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai khôi phục hoặc kiến nghị bổ sung khôi phục các mốc giới bị mất, hỏng theo thẩm quyền và theo quy định.

5. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc thẩm quyền tổ chức lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bàn giao hồ sơ cấm mốc giới và mốc giới tại thực địa cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để quản lý.

Riêng chủ đầu tư dự án theo hình thức kinh doanh trước khi phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới, phải lấy kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết tại Điều 6 của Quy định này, để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm chủ động cân đối và đề xuất nguồn vốn thực hiện cấm mốc giới và quản lý, khôi phục mốc giới theo quy định và theo thẩm quyền.

Điều 14. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu liên quan đến quy hoạch xây dựng khu công nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng cho tổ chức, cá nhân tại nơi đã có quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế đô thị riêng, quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch nông thôn thuộc thẩm quyền lập hoặc phê duyệt. Khi cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng nếu có nội dung chưa rõ thì phải lấy ý kiến của Sở Xây dựng, trước khi cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền.

Điều 15. Giới thiệu địa điểm xây dựng khi chủ đầu tư có yêu cầu

1. Khi chủ đầu tư dự án có yêu cầu việc giới thiệu địa điểm nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc đề nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, thì thực hiện như sau:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư, Sở Xây dựng chủ trì tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan, tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận địa điểm xây dựng.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận địa điểm xây dựng các công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu

tư, sau khi được Sở Xây dựng tổng hợp, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương vị trí, địa điểm.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức có liên quan khi được lấy ý kiến về địa điểm xây dựng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm về sự phù hợp của địa điểm xây dựng với quy hoạch ngành thuộc thẩm quyền do mình quản lý.

Mục 4 **QUẢN LÝ KIẾN TRÚC**

Điều 16. Lập, thẩm định, phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (thời hạn ủy quyền tính từ ngày ký Quyết định ban hành quy định này đến khi có Quyết định khác thay thế quy định này) cho Sở Xây dựng tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị (bao gồm cả đô thị mới)

Sở Xây dựng khi thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền tại khoản 1 Điều này, được sử dụng con dấu của Sở Xây dựng; được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập và phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn thuộc địa giới hành chính quản lý. Trước khi phê duyệt gửi Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Công bố quy chế quản lý kiến trúc đô thị, quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo Điều 11 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ;

b) Cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương hằng năm để thực hiện công tác lập và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc theo phân cấp và theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm định và thành lập Hội đồng thẩm định quy chế quản lý kiến trúc theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ;

b) Sau khi có báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm yêu cầu cơ quan tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, rà soát đủ điều kiện, tổng hợp hồ sơ và kèm theo báo cáo kết quả thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

c) Thẩm định và gửi báo cáo kết quả thẩm định quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện làm căn cứ chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ, phê duyệt theo quy định và thẩm quyền.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát, đánh giá việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc theo Điều 14 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ. Kết quả rà soát, đánh giá phải được báo cáo bằng văn bản gửi Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng đối với đô thị từ loại I trở lên theo quy định.

Điều 17. Thi tuyển phương án kiến trúc công trình

1. Các công trình phải thực hiện việc thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc theo Khoản 2 Điều 17 Luật Kiến trúc năm 2019.

2. Việc thi tuyển phương án kiến trúc thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Kiến trúc năm 2019 và mục 3 Chương II Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ và quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan. Việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc được thực hiện sau khi có chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

3. Đơn vị tổ chức cuộc thi gửi báo cáo kết quả cuộc thi đến Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Tham gia ý kiến phương án thiết kế tổng mặt bằng và kiến trúc công trình đối với công trình không phải thi tuyển phương án kiến trúc, lập quy hoạch tổng mặt bằng, khi chủ đầu tư có yêu cầu.

1. Trước khi lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng hoặc xin cấp giấy phép xây dựng công trình (trừ công trình kiến trúc phải thi tuyển, lập quy hoạch tổng mặt bằng) nằm ngoài phạm vi khu công nghiệp (đã giao chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng) nếu chủ đầu tư có yêu cầu thì có văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế sơ bộ kiến trúc theo quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, gửi đến Sở Xây dựng tham gia ý kiến về phương án tổng mặt bằng và kiến trúc công trình theo quy định, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trước khi lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng hoặc xin cấp giấy phép xây dựng công trình nằm trong phạm vi khu công nghiệp (đã giao chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng) nếu chủ đầu tư có yêu cầu thì có văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế sơ bộ kiến trúc theo quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BXD Thông tư ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, gửi đến Ban Quản lý các khu công nghiệp tham gia ý kiến về phương án thiết kế tổng mặt bằng và kiến trúc công trình theo quy định.

Điều 19. Lập, thẩm định, phê duyệt công trình kiến trúc có giá trị

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, theo quy định tại Điều 13 Luật Kiến trúc năm 2019 và Mục 1 Chương II Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ; chủ động cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương hằng năm theo phân cấp để thực hiện.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ;

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn về kiến trúc cấp tỉnh theo quy định tại Điều 16 Luật Kiến trúc năm 2019;

c) Là cơ quan thường trực Hội đồng tổ chức thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị, Hội đồng tư vấn về kiến trúc cấp tỉnh;

d) Tiếp nhận hồ sơ danh mục công trình kiến trúc có giá trị của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình thẩm định, kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện hồ sơ đủ điều kiện, trình Hội đồng thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị để tổ chức thẩm định và lập báo cáo kết quả thẩm định. Sau khi có báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, rà soát đủ điều kiện. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉnh sửa hồ sơ, gửi Sở Xây dựng rà soát, tổng hợp hồ sơ và kèm theo báo cáo kết quả thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề xuất đưa công trình kiến trúc vào danh mục công trình kiến trúc có giá trị thì gửi yêu cầu bằng văn bản kèm theo hồ sơ tư liệu công trình kiến trúc tới Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát, đánh giá theo quy định. Trường hợp đủ điều kiện, gửi Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Xây dựng

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức thanh tra, kiểm tra trật tự xây dựng, kiểm tra sự phù hợp công trình xây dựng đúng theo nội dung quy hoạch xây dựng được duyệt theo quy định và thẩm quyền;

b) Xử lý vi phạm hành chính, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng, kiến trúc thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật;

c) Tổ chức phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng, kiến trúc theo nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

d) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc kỷ luật các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Đôn đốc và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng định kỳ và đột xuất về tình hình quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý đầu tư, xây dựng, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp theo thẩm quyền; chủ trì và phối hợp tổ chức thanh tra, kiểm tra trật tự xây dựng trong khu công nghiệp;

b) Tham mưu đề xuất người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng tại khu công nghiệp, theo quy định của pháp luật;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ và đột xuất về tình hình quản lý quy hoạch xây dựng tại khu công nghiệp.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, thẩm định, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn kinh phí cho công tác tổ chức và thực hiện quy hoạch xây dựng, kiến trúc, các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của cấp tỉnh, phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

4. Các sở, ngành liên quan

Có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến về nội dung nhiệm vụ đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc, kiến trúc công trình, địa điểm xây dựng; công bố, công khai quy hoạch xây dựng, kế hoạch thực quy hoạch xây dựng; cung cấp thông tin, số liệu có liên quan đến quy hoạch ngành thuộc quyền quản lý, để phục vụ công tác lập và quản lý thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, kiến trúc theo thẩm quyền; thực hiện cấm mốc giới các quy hoạch ngành có liên quan đến quy hoạch xây dựng, kiến trúc theo quy định của pháp luật và thẩm quyền.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cân đối nguồn vốn cho công tác quy hoạch xây dựng, các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc thẩm quyền do mình quyết định đầu tư, phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

b) Tổ chức phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc cấp huyện, cấp xã liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng, kiến trúc theo thẩm quyền.

c) Hướng dẫn chủ đầu tư về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng, kiến trúc và các nội dung liên quan đến công tác quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc theo thẩm quyền và quy định này;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra trật tự xây dựng thuộc địa giới hành chính quản lý. Có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng về giới thiệu địa điểm xây dựng, cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng, thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy

hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc theo thẩm quyền và quy định này;

đ) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng, kiến trúc thuộc thẩm quyền;

e) Tổng hợp báo cáo gửi Sở Xây dựng hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ và đột xuất về công tác quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc thuộc địa bàn quản lý.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cân đối nguồn vốn cho công tác quy hoạch xây dựng, các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc thẩm quyền do mình làm chủ đầu tư, phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

b) Tuyên truyền, phổ biến quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng cho tổ chức, cá nhân, nhân dân thuộc địa bàn quản lý biết để thực hiện và giám sát;

c) Tiếp nhận, quản lý và bảo vệ mốc giới ngoài thực địa theo quy định;

d) Trực tiếp kiểm tra trật tự xây dựng thuộc địa bàn mình quản lý theo thẩm quyền và quy định này;

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ và đột xuất về tình hình quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc thuộc địa bàn do mình quản lý.

7. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật và quy định này; thực hiện chế độ báo cáo về công tác thực hiện quy hoạch xây dựng trong phạm vi dự án được giao quản lý hoặc làm chủ đầu tư, khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 21. Điều khoản thi hành và chuyển tiếp

1. Các nhiệm vụ và đồ quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, quy chế quản lý kiến trúc, công trình kiến trúc có giá trị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã được giao nhiệm vụ và phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí và được bố trí vốn đang thực hiện dở dang, đồng thời không bị điều chỉnh chuyển tiếp bởi các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn, thì tiếp tục thực hiện theo quy định đang áp dụng. Việc điều chỉnh và làm mới thì thực hiện theo quy định này và quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.